

NHẤT TIÊN XUYÊN TÂM

*Hồi Ký
Từ Cao Nguyên*

HỌ ĐẠO TAM TÒA

Tam tòa, một họ đạo Công Giáo, nằm dọc theo bờ tả ngạn sông Nhật Lệ, từ cầu Mụ Kề ra đến Đàng Nghèo, một đồi cát cao, có Lũy Thầy. Tổ Tiên của người dân Tam Tòa, một số giáo dân may mắn còn sống sót, sau khi bị Văn Thân tổng giam vào trong nhà thờ Sáo Bùn, rồi châm lửa đốt thiêu sống giết chết 52 người vào năm 1886.

Cũng tại họ đạo Sáo Bùn này, ông Trùm họ đạo kiêm Thầy Giảng Mat-thê-ô Nguyễn Văn Phụng bị hành quyết tử vì đạo ngày 26-5-1861 và được Đức Giáo Hoàng Piô X phong thánh hàng Chon Phước ngày 2-5-1909.

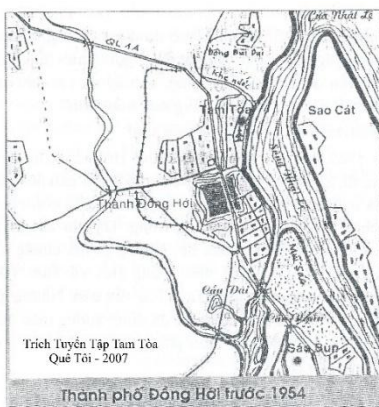
Tam tòa, một trong những giáo xứ đầu tiên trong lịch sử công giáo VN, có ngôi nhà thờ khang trang rộng lớn, tháp chuông cao, xây dựng theo kiến trúc của người Bồ Đào Nha vào năm 1887 và được trùng tu vào năm 1940.

Hình 1: Nhà Thờ Tam Tòa Trước Năm 1954

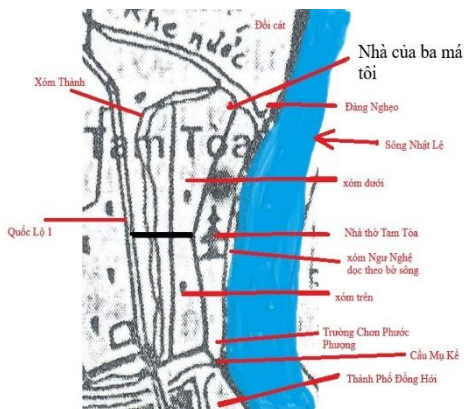


Hình 2 : Di Tích Nhà Thờ Tam Tòa





Trên khu đất cuối cùng có một đường hẻm đâm thẳng vào ngay cửa chính của một căn nhà ngói ba gian, hai chái vừa xây dựng xong vào năm 1953. Đây là nhà của ba má tôi.



Theo **Tuyển Tập Tam Tòa Quê Tôi**, trang 185, phát hành năm 2007, có bản vẽ các ngành nghề của Tam Tòa, trong đó có Ngành Võ Thuật Tam Tòa. “Ngũ Hổ Tam Tòa” nổi tiếng thời bấy giờ, gồm có: Nguyễn Đề, Nguyễn Mầu, Nguyễn Vinh, Bùi Diêu và Hoàng Minh Chiếu. Nguyễn Đề là con trai trưởng trong gia đình có năm anh em và là thân phụ của tôi.

Hình dưới là ba anh em: Nguyễn Đề, Nguyễn Mầu và Nguyễn Thị Phước



Sinh ra trong một gia đình lao động nghèo khó, không được may mắn theo học các trường Tây thời bấy giờ, học với các bà xơ dạy chữ quốc ngữ, chỉ biết đọc biết viết, đủ khả năng học kinh trong cuốn Nhật Khóa (sách kinh của người Công Giáo) và học giáo lý để xưng tội rước lễ lần đầu và chịu phép Thêm Sức.

Chú Mầu được một võ sĩ nổi danh thời bấy giờ nuôi nấng và truyền dạy võ nghệ. Từ đó Ngũ Hổ Tam Tòa hình thành. Các chàng trai trẻ tập luyện tại khu đất khá rộng, ở giữa có một cây khế ngọt to lớn, đến mùa trái sum suê, trước nhà bà nội tôi. Họ trở thành một cái nhân đi đến hết họ đạo này đến họ đạo khác, huấn luyện thanh niên nam nữ thành những chiến sĩ dũng cảm bảo vệ họ đạo của mình.

Ba tôi học nghề thợ đúc tại nhà Ông cậu Cần, tức anh ruột của bà nội tôi. Ông Cậu Cần, nghiêm nghị, nóng tính, dạy một lần, nếu làm không vừa ý ông, lập tức “ăn roi mây”. Ba tôi rất khỏe mạnh, chăm chỉ, cần cù học nghề. Chẳng bao lâu Ông trở thành một tay đúc nồi giỏi, rất được ưa chuộng và được nhiều người thuê mướn.

Hình 1: Nồi đồng cỡ trung bình; Hình 2: Nồi lớn,

Hình 3: Nồi rót đồng



Năm này qua năm khác, chắt chiu dành dụm. Ngôi nhà tranh vất đất nhỏ xíu đầu đời của ba má tôi được dựng lên, rồi đến nhà tranh ba gian thứ hai.

Khoảng năm 1948, ba tôi được tuyển chọn làm cảnh sát giao thông của thành phố Đồng Hới. Tuy là cảnh sát, nhưng sau giờ làm việc, về nhà vẫn tiếp tục làm nghề thợ đúc, kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Mẹ và chị cả của tôi nấu rượu nuôi heo, quần quật suốt ngày. Tôi và em trai tôi học tại trường trung học đệ nhất cấp Chơn Phước Phước, tên của một vị thánh, tọa lạc ngay đầu làng sát cầu Mụ Kề. Mong ước của ba tôi là một ngôi nhà gỗ, mái ngói, tường xây, ba gian hai chái, thượng rầm hạ gỗ. Ông phải lên Hai Huyện (huyện Lệ Thủy) chọn lựa nhà bán và cuối cùng đã mua được một căn nhà vừa ý. Sau hơn một năm chuẩn bị, ngôi nhà gỗ ba gian hai chái được hoàn thành vào giữa năm 1953. Đây là ngôi nhà thứ ba. Phía trước nằm ngay chính giữa nhà, có một cửa chính hai cánh lá sách và cửa kính, hai gian hai bên có hai cửa sổ lá sách lớn, cũng có cửa kính. ***Con đường giao thông trong xóm đâm thẳng ngay vào cửa chính này.***



Một vại gồm: 2 cột chính, 2 cột con, 2 cột nền, Nhà 3 gian có 4 vại. Hai bên hai chái.



Mái nhà lợp ngói mố

Cấu trúc vại và nhà ba gian có 4 vại

ĐẠI VẬN KHẮC NGHIỆT: NHẤT TIỀN XUYỀN TÂM

Tháng 5/1954, chuẩn bị nghỉ hè, em trai tôi, Nguyễn Sỹ, 11 tuổi, lâm bệnh. Hai đầu gối sưng to và ửng đỏ, nằm một chỗ, không đi đứng. Đau nhức khủng khiếp. Ban đêm khóc la cả xóm làng đều nghe. Mọi người chép miệng “tội nghiệp”, còn mẹ tôi, thức trắng đêm chỉ biết khóc và cầu nguyện. Nhập bệnh viện Đồng Hới, không biết bệnh gì, nhưng bà con lối xóm gọi là “sung đầu voi”, chỉ được cấp vài viên aspirine. Một tháng sau, bác sĩ quyết định bó bột cả hai chân.

Hiệp định Geneve ký kết ngày 20-7-1954.

Vận nước chia đôi, vận nhà nát tan.

Tất cả tiền bạc, gia tài đồ đạc vào căn nhà, ra đi với hai bàn tay trắng. Ba tôi, lấy tay chùi những giọt nước mắt, đứng trước cửa nhà, trao chìa khóa nhà cho Ông Lái Buôn (người lãnh nhận sản phẩm đúc đi bán và mua về những đồ đồng cũ hư hỏng, kể cả vỏ đạn đồng) nhờ “trông coi dùm”, hai năm sẽ trở về (theo hiệp định, sau hai năm tổng tuyển cử).

Cả nhà tôi được xe cảnh sát chở ra phi trường, lên chiếc DC-3 hai chong chóng, chú Sỹ nằm trên băng ca, đến phi trường Nha Trang ngày 29-7-1954, xe hồng thập tự đưa vào bệnh viện. Cả nhà nằm lẫn lóc tại hành lang, ăn cơm nhà thương, chờ ba tôi vào đón.

Ba tôi xuống tàu cùng với toàn bộ nhân viên cảnh sát và gia đình. Gia tài có gì quý giá đâu mà mang theo, chỉ một cái giường gỗ 1m40, một chiếc xe đạp giàng (có thanh ngang từ yên xe đến ghi-đông, dành cho đàn ông, xe đạp đầm cho các bà) và bức ảnh Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, do ông dương Đặng Nhượng của ba tôi, hạ sĩ quan hải quân Pháp, mua từ Pháp mang về tặng. Mỗi lần gặp hoạn nạn, ba tôi khấn nguyện Mẹ Hằng Cứu Giúp cầu xin an ủi chở che.

Đất khách quê người, “con chim kêu cũng sợ, con vượn hú cũng kinh”. Không tiền chi tiêu, không tiền thuê nhà, không nơi nương tựa, cả nhà tìm đến một ngôi chùa, tại Xóm Mới, tọa lạc trên một bãi đất cát, đầy những bụi cây cần cỗi, chơ vơ trống trải. Nằm trên sàn nhà xi măng, không giường chiếu, ăn cơm chay của nhà chùa. May mắn, ba tôi được ty cảnh sát Nha Trang làm lại giấy tờ thủ tục tuyển dụng, lãnh lương và chuẩn bị thuyền chuyển ra Tuy Hòa, Phú yên. Trước khi nhận nhiệm sở mới, nhờ có tiền lương, ba tôi tìm thuê một căn nhà tranh vách đất vừa đủ chỗ cho mấy mẹ con tạm trú cũng tại Xóm Mới, gần nhà thờ Núi. Tôi không biết, gia đình tôi có được trợ cấp gạo tiền như bao nhiêu người di cư khác, nếu có thì tôi, con trai lớn trong nhà, đã phải đạp xe đi chở gạo và lãnh tiền. Tôi nhớ rõ, khi cả gia đình chuyển ra Tuy Hòa, tôi ở với bà nội, tôi đạp xe đến một khu nhà rộng lớn, có thể là Tòa Hành Chánh Tỉnh Khánh Hòa, gần ty bưu điện Nha Trang, để lãnh phụ cấp cho bà. Có thể, vì ba tôi là một công chức nên chính phủ đã cho lãnh tiền phụ cấp rồi.

Chú Sỹ lúc này bớt đau nhức, nhưng rất ngứa ngáy, nên chú, tự ý lấy dao cắt, mỗi ngày một chút, cuối cùng cũng tháo bỏ được lớp băng bột từ chân lên đến bắp vế. Khí hậu Nha Trang ẩm áp điều hòa làm cho chú cảm thấy thoải mái và cố gắng hết sức tập đi từng bước một. Lần đầu tiên từ ngày di cư vào Nam, người đầu tiên và duy nhất đến thăm viếng gia đình tôi tại Nha Trang là anh Dương Tâm Bảo. Tôi nhớ rất rõ vì, mẹ anh Bảo ở sát nhà tôi tại Tam Tòa, nên ba tôi có nhờ anh Bảo dạy kèm, nhưng chỉ được vài ba tháng, anh đi đâu tôi hoàn toàn không biết. Bây giờ gặp lại anh, tôi mừng lắm. Sở dĩ ba tôi nhờ anh Bảo dạy kèm, vì có một hôm, tôi không biết làm bài toán, tôi nhờ làm giúp. Ba tôi buồn bã nói “bộ không được đi học nên không biết làm, bộ sẽ nhờ anh Bảo giúp con”. Tôi thấy mặt ông đau khổ lắm và tôi đã muốn nói “Con thương bộ lắm bộ ơi” (người Quảng Bình gọi cha bằng BỌ, mẹ bằng MẠ).

Làng Tam Tòa, anh Bảo là người đầu tiên xuất thân Khóa 12 TVBQGVN, kế đến, Nguyễn Uyên K16; Nguyễn Văn Na K17 (Tứ trện 30-3-1963), Phúc K18 (Tứ trện); Nguyễn Văn Hùng K18, xuất ngũ thời Tân Khố Sinh, và tôi Nguyễn Nho K19.

Không tiền trả tiền học, nên tôi phải ở nhà một thời gian, cho đến khi, cả gia đình tôi di chuyển về Tuy Hòa. Bà nội tôi, nuôi một cháu gái tên Hồng, từ nhỏ một vài tháng cho đến nay khoảng 3,4 tuổi, cùng thuê nhà với mẹ Du tại Xóm Mới. Tôi ở lại Nha Trang với bà nội để đi học, vì Tuy Hòa mới tiếp thu chưa có trường trung học đệ nhất cấp. Vào học lớp đệ lục bị trễ hai ba tháng tại trường Kim Yến, gần nhà thờ Tin Lành, hiệu trưởng là ông Trương Như. Hai người cùng làng với tôi, cô Dung (con gái bác Phong) và anh Bình (con bác Cảnh) vào học sớm, có chỗ tốt ngồi phía trên, còn tôi bị nhét vào dãy ghế cuối cùng, bên cạnh một anh chàng, không học hành ghi chép gì cả, tối ngày leo cây me, hái một túi đầy, mang vào lớp, chấm mắm ruốc ăn tỉnh bơ. Thầy cô chẳng la mắng gì cả.

Quần áo, xe cộ, không có. Ba tôi phải để lại chiếc xe đạp của ông cho tôi dùng làm phương tiện di chuyển. Ông mua vải, may cho tôi một chiếc áo sơ mi, mặc cái quần cũ di cư mang theo. Vài ngày phải lo giặt quần áo một lần, phơi cho khô để kịp mặc đi học. Một bộ quần áo độc nhất. Một năm học nghèo khó, không một đồng xu dính túi. Một năm đệ lục không học được chữ nào. Lúc nhập học, nhà trường làm hồ sơ giấy tờ xin tiền trợ cấp theo diện di cư. Hai, ba tháng sau, nhận lãnh được 300 đồng. Mừng rỡ khôn nguôi, ước mong có một bộ đồ mới mặc đi cho bớt xấu hổ. Vài ngày sau, không hiểu sao, anh Tính, làm việc trong biệt thự Nhạc Sóng, cùng với chú tôi (lúc này đã vào Saigon), cận vệ của Đại Tá Nguyễn Ngọc Lễ, góc đường nhà thờ chạy xuống bờ biển, sát bên cạnh Hotel Beauriva, Ủy Hội Quốc Tế, biết tôi vừa lãnh học bổng, năn nỉ ỉ ôi, than vãn khóc lóc, mượn 300 đồng, hứa chỉ vài hôm sẽ trả lại. Nghe thấy tội nghiệp, hơn nữa hai hôm trả cũng được. Tôi trao hết 300 đồng cho anh ta.

Từ đó, không bao giờ thấy anh xuất hiện nữa.

Một cú lừa đầu đời, thơ ngây nhẹ dạ. Nghèo mạt kiếp. Có chút tiền lại bị mất. Không đau buồn nhức nhối làm sao được. Có đêm thức suốt, không tài nào nhắm mắt ngủ được, cho đến gần sáng, nghe tiếng chuông nhà thờ Núi đổ từng hồi vang vọng, lòng chua xót, thương cha, thương mẹ, thương chị, thương em, thương chú Sĩ đau ốm, thương cho gia đình quá nghèo khổ. Tủi hổ với bạn bè và ngay với bản thân mình.

Ba tôi ra Tuy Hòa nhận công việc làm, tìm thuê được một khoảnh đất, toàn cây xương rồng đầy gai, trong hẻm đường Lê Lợi, ngay sau nhà anh Nguyễn Phùng Hy, cùng học ngũ, tứ với tôi, hướng ga xe lửa, cùng với bốn đồng nghiệp khác hợp tác và tự mua vật liệu, phụ nhau xây nhà tranh vách đất, mỗi căn diện tích khoảng 8m x 5m. Nhà xong, ba tôi trở lại Nha Trang đưa hết gia đình ra Tuy Hòa, tôi được ở lại, tiếp tục đi học. Khoảng cách hai thành phố này chỉ 120 cây số, nhưng vì đường xá hư hỏng nặng nề, cầu cống sập gần hết, phải mất một ngày trời di chuyển bằng xe đò. Lúc này, Tuy Hòa mưa gió lạnh lẽo, khí hậu khắc nghiệt hơn so với Nha Trang, cho nên chú Sĩ, hai đầu gối sưng to và đau nhức trở lại. Nhà thương Tuy Hòa mới hình thành, bác sĩ, y tá lèo tèo, thuốc men lại càng hiếm hoi. Uống thuốc bắc một thời gian, chi phí quá nhiều mà chẳng thuyên

giảm chút nào. Nghe ai nói cây cỏ thuốc men gì, như cây vòi voi, cây mắc cỡ, cũng tìm cho bằng được, uống hết tháng này qua tháng nọ. Sưng vẫn sưng, đau vẫn đau. Bí quá phải đưa chú Sỹ lên tận Bàn Thạch, ăn ở trong nhà ông thầy thuốc nam. Chị tôi phải đi theo lo chăm sóc, nuôi nấng. Sáu bảy tháng sau lại khiêng chú em trở về nhà. Bác sỹ cho thuốc giảm đau tạm ổn qua ngày. Bắp chân teo lại, hai chân từ từ co rút. Hơn năm sau, khớp xương của các ngón tay sưng to, rồi bắt đầu co quắp. Không biết chết xuống hỏa ngục có bị hành hạ khổ nhọc như chú em tôi đang chịu đựng từng giờ từng phút hay không? Cả nhà đau xót và buồn bã lắm. Tôi thấy ba tôi có nhiều lúc thất thần, đức tin chao đảo. Tính tình bắt đầu nóng nảy hay la mắng, nhất là trong các bữa ăn. Canh rau, cá kho, rất đậm bạc, thiếu thốn. Số tiền lương của ba tôi quá ít ỏi, lại phải chi phí thuốc men cho chú Sỹ, làm gì có miếng thịt heo, thịt bò, thịt gà mà ăn. Ba tôi tuy đã thâm niên công việc nhiều năm, nhưng chỉ là một công chức công nhật hạng thấp nhất, nghĩa là phải ký khế ước mỗi năm, bị sa thải bất cứ lúc nào không biết. Còn những người khác, có bằng cấp tiểu học, tối thiểu, được bổ nhiệm chính thức, gọi là “ngạch”, số lương gần như gấp đôi công nhật. Đó là nỗi đau khổ nhất, ngấm ngấm gặm nhấm tâm can ba tôi. Nhiều lúc nó quật ngã ông, chối bỏ cả nhà thờ, lạc hướng đức tin, nhưng rồi ông vẫn cương quyết đứng vững, ngẩng đầu lên, tiếp tục hy sinh cả đời mình cho con cái, cho gia đình. Có đêm tôi nhìn thấy ông ngồi im lặng, thần thờ nhìn bức ảnh Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, giọt nước mắt lăn tròn trên má.

THÔNG CỔ THÔNG KIM

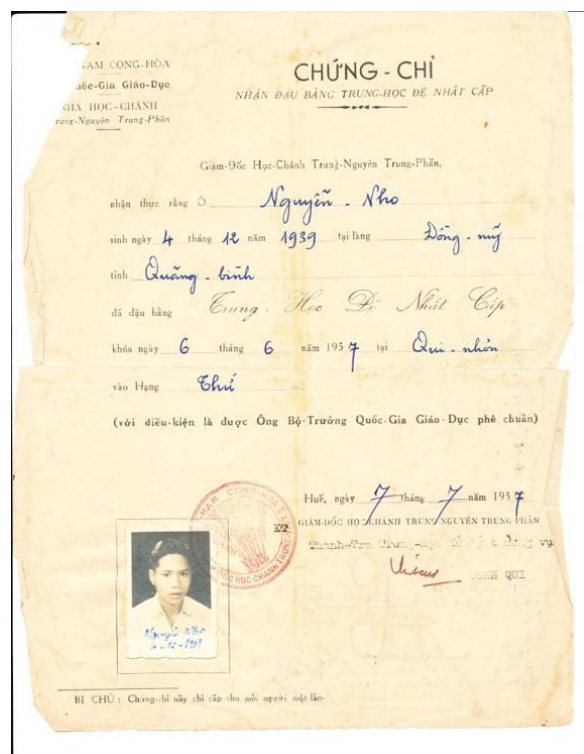
Năm học chấm dứt, tôi về nhà, mang theo chiếc xe đạp trả lại cho ba tôi. Ông không hỏi tôi kết quả học hành ra sao, mà tôi cũng không dám nói tôi chẳng học được chữ nào. Trường Nguyễn Huệ, trung học đệ nhất cấp mới thành lập, do thầy Đinh Thành Bài, hiệu trưởng, ông Hưng làm giám thị, anh Tý làm thư ký. Khu vực này nằm trên một thửa ruộng, gồm ba dãy nhà thuộc trường tiểu học Tuy Hòa do cô Nhơn làm hiệu trưởng. Hai dãy hai bên giao cho trường Nguyễn Huệ. Dãy bên trái, từ đường cái nhìn vào, gồm văn phòng, phòng giáo sư, phòng hiệu trưởng, bên phải có 4 phòng dành cho các lớp từ đệ thất đến đệ tứ. Trường chưa có sân, chỉ có các con đường ruộng nhỏ, nối từ dãy nhà này qua dãy nhà khác. Vài ngày trước khi khai giảng, học sinh phải mang cuốc xẻng đến trường, đắp thêm đất cho các con đường cao hơn, để mùa mưa không bị ngập.

Tôi ghi danh học lớp đệ ngũ. Trong lớp đa số người địa phương. Họ bận quần áo bà ba đen, mang dép râu (làm bằng lớp xe hơi). Những người từ xa đến, có: Nguyễn Khắc Phụng, Nguyễn Khắc Túy, Bùi Lê Đình, Từ Thị Ái Khanh, chị Thư và tôi. Năm đệ tứ có thêm cô Nguyễn Thanh Trí, em ruột của thầy Nhâm, từ Huế vào. Các giáo sư chính như: thầy Tâm dạy Việt văn. Thầy Nhâm dạy toán, thầy Thiết dạy anh văn, thầy Thuần dạy lý hóa, thầy Diễm dạy pháp văn. Các thầy đồ tú tài xong, được Bộ Quốc Gia Giáo Dục, bổ nhiệm dạy giờ theo khế ước ký hàng năm. Thầy Nhâm dạy hai năm, trở lại học kiến trúc sư tại Saigon. Ngân Hàng Quân Đội trên đường Nguyễn Huệ Saigon do kiến trúc sư Nguyễn Ngọc Nhâm thiết kế.

Hai năm học đệ ngũ và tứ, tôi ở nhà, sống chung với gia đình, hằng ngày chứng kiến cảnh đau ốm của chú Sỹ, rên la, cùng với những lúc bực tức la mắng vô cớ của ba tôi, cảnh thiếu thốn, canh ăn uống đậm bạc, vài con cá kho chấm rau luộc, nhà cửa chật chội, các cô em chen chúc trên một

chiếc giường tre quá nhỏ hẹp, chú Sỹ nằm trên ghế bố. Vui buồn, đắng cay, tất cả đổ lên đầu mẹ tôi. Bà chỉ biết quay mặt vô tường, tay quệt nước mắt.

Phần tôi, lo cố gắng học hành. Bước vào năm học, tôi khá lúng túng về toán, không biết làm sao mà giải đáp được, vì cả năm đệ lục có học hành gì đâu. Một hôm, tôi thấy năm, ba người xúm lại, cùng nhau làm bài toán hình học, tôi tò mò tới lắng nghe. Nghe xong, đầu óc tôi “vở” ra, y như từ “nơi tăm tối bừng ra ánh sáng”. Sao dễ vậy mà mình không biết. Từ đó, ngày nào tôi cũng đọc lui đọc tới sách toán hình học, đại số và bài tập nào cũng tự mình làm cho bằng được. Các môn học khác cũng cứ thế mà tiến nhanh. Trong giờ học Pháp Văn của thầy Diễm, chữ nào, câu nào, thầy hỏi, cả lớp không ai trả lời, tôi nhanh nhẹn giơ tay và đáp trả rất xuất sắc, đến nỗi thầy tuyên bố trong lớp, Nguyễn Nho là người “thông cổ thông kim”. Sở dĩ được như vậy, là vì tôi đã học Pháp Văn từ lớp nhì đến đệ thất tại trường Chơn Phước Phước, Tam Tòa, Đồng Hới, do các thầy dòng Thánh Giu-se dạy dỗ như: thầy Laurent, hiệu trưởng, thầy Louis, thầy Tôma, thầy Arsene, thầy Thaddee, Jean Hoan, Giuse . . . Sau này một số thầy được thụ phong linh mục. Trong khi đó, học sinh tại Tuy Hòa, Phú Yên, và Qui Nhơn, Bình Định học chương trình đặc biệt của Bộ Quốc Gia Giáo Dục, về Pháp Văn dạy từ đầu. Tuy cả một năm đệ lục không học được chữ nào, nhưng cái vốn Pháp Văn đã có, vượt trội học sinh địa phương. Giỏi Pháp Văn hai lớp ngũ tứ, nhưng khi vào học tam, nhị tại Hồ Ngọc Cẩn, Gia Định, tôi lại là người bị xếp hạng “bét” nhất, vì 3 năm không học được thêm một chữ Pháp văn nào! Mỗi bài luận văn chỉ được thầy Dương chiếu cố cho 7, 8 điểm, dù có đi học thêm lớp Văn Phạm Pháp Văn của thầy Mẫn, đường Hồ Xuân Hương, Saigon.



Năm đệ tứ là năm học xuất sắc của tôi, tháng nào cũng được xếp hạng từ nhất đến ba. Ba tôi vui vẻ và rất hãnh diện với bạn bè trong sở. Thấy ba tôi vui, cả nhà vui lây, không khí bớt căng thẳng, làm cho tôi càng cố học hành chăm chỉ hơn nữa, mong xoa dịu nỗi đau buồn của ba tôi. Cuối năm tôi đậu được bằng Trung Học Đệ Nhất Cấp tại trường thi Qui Nhơn, khóa thứ nhất, ngày 6-6-1957. Trong thời gian thi cử, tôi ở nhà ba má anh Võ Trọng Em, ngay sau trường Cường Để. Hai gia đình quen biết nhau từ Đồng Hới, Quảng Bình. Cả nhà vui mừng lắm, chú Sỹ cũng rom róm nước mắt. Nụ cười nở trên môi ba tôi làm tôi ấm lòng. Ông dẫn tôi đến tiệm bún bò và thưởng cho tôi một tô thật ngon lành. Xin cảm ơn bố mẹ.

NGỰA SẮT BA NĂM TUNG VÓ

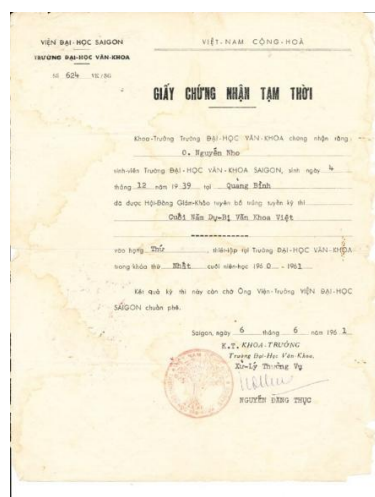
Nhờ chú Mầu, O Phước, em ruột của ba tôi, ở Saigon, nên tôi được cho vào đó, có nơi ăn chốn ở, để tiếp tục học hành. Tuy có bằng trung học đệ nhất cấp, lại học trường công Nguyễn Huệ, Tuy Hòa, nhưng năm 1957, muốn vào đệ tam, phải thi tuyển. Tôi được học tại trường Hồ Ngọc Cẩn, Gia Định. Tôi ở nhà chú tôi, cận vệ cho Tướng Nguyễn Ngọc Lễ, tại đường Cường Để. Từ đây đến trường học khá xa, cần phải có xe đạp. Nhà tôi đã nghèo, nhưng chú tôi cũng chẳng khá hơn, vì chú mê cờ bạc, lãnh lương ra, đi nướng sạch. Bà thím phải chạy ngược xuôi, xoay xở vay nợ



Hình 1 Xe đạp của tôi giống y hệt xe này.

nần nuôi con. Chú tôi lượm được một cái xe đạp. Gọi là xe cho ra vẻ “xe”, thực sự chỉ cái giàn xe cũ rít cũ rơ, sơn tróc gần hết, chỉ còn yên xe, và cái ghi đông. Chấm hết. Dem xe ra đường gắn thêm cái thắng. Thế là xong. Nặng nhờ, mưa chịu, không dè trước, dè sau, dè che sên, nước mưa cộng thêm đất đai bắn tung lên quần áo. Xe vất, không ma nào thềm lượm, cho không ai thềm lấy. Nhiều khi cũng cảm thấy xấu hổ, đành cúi đầu chấp nhận gia đình nghèo khổ, tự an ủi, còn được đi học là may mắn lắm rồi. Nhờ con ngựa sắt này mà tôi được đến trường học ròng rã hai năm tam, nhị. Hai người bạn thân nhất lúc này là Thắng, người Bắc di cư và Khiết, người Nam, cả hai ở tại Bàn Cờ. Ngày nào, hai anh cũng đến

đường Cường Để đón tôi, cùng nhau vòng qua sở thú, cầu Đa Kao, rồi chợ Bà Chiểu, mới đến trường Hồ Ngọc Cẩn. Học từ 1 giờ trưa cho đến 6 giờ chiều. Năm đệ nhị tôi về nhà O Dượng ở tại thành Ô Ma (Cộng Hòa), trước cổng trường Petrus Ký. Đúng 12 giờ trưa, tôi đạp xe đến nhà hai bạn Thắng và Khiết, ở gần nhau tại Bàn Cờ. Năm tôi học lớp đệ nhị, tháng nào cũng được bằng danh dự. Tôi gởi về cho ba tôi. Ông vui sướng, hãnh diện với bạn bè. Thỉnh thoảng, có chút tiền dư giả, ông gởi vào cho hai, ba trăm, đóng tiền học thêm lớp lý hóa của thầy Nguyễn Xuân Nghiên, mua sách vở và cũng nhờ vậy, có tiền đi xem xi nê giá vé đồng hạng 5 hoặc 10 đồng tại rạp Da Kao và Lê Lợi, còn rạp Rex, dành kính nhi viễn chi, đứng xa mà dòm!



Cuối năm, tôi thi đậu bằng Tú Tại 1, khóa thứ nhất tại Saigon, rất buồn, hai người bạn tôi không đậu. Năm đệ nhất tôi học Chu Văn An, ngay trước thành Ô Ma, sau lưng trường Petrus Ký, chỉ cần đi bộ, không cần đến chiếc xe nữa, nhưng vẫn còn dùng để đi học thêm. Cuối năm, may mắn đậu Tú Tài 2.

Nếu không có Chú thím, O Dượng tại Saigon, chắc tôi không thể nào học tiếp được và cũng cảm ơn ai đó vứt chiếc xe đạp vào bãi rác, nó đã trở thành phương tiện hữu ích, thực tế và duy nhất giúp tôi trong suốt ba năm trung học đệ nhị cấp.

Trong thời gian học đệ tam, ba tôi đưa chú Sỹ vào chữa trị tại bệnh viện Chợ Rẫy. Nằm tại đây, cô Vân, em kế chú Sỹ phải bỏ học lo chăm nuôi, trong 7, 8 tháng trời, nhưng cũng không suy giảm, tuy nhiên, phần đau nhức có giảm bớt. Nhân dịp tàu bệnh viện Hope của Mỹ ghé Saigon, chú Sỹ được nhận xuống tàu chữa trị. Chú Sỹ nằm ở đây khoảng 5,6 tháng cho đến khi tàu Hope rời Saigon, được trả về nhà. Tất cả mọi hy vọng lành bệnh đều đã tiêu tan. Đưa chú Sỹ trở về lại Tuy Hòa, chấp nhận số phận tàn tật, nằm một chỗ, trên chiếc ghé bố, ăn uống, vệ sinh cá nhân mẹ tôi phải lo. Để giải trí, ngày nào chú cũng đọc báo Chính Luận, tuần san, nguyệt san, sách vở, mượn của bác Cái Gio, cháu ruột linh mục Cái Hồng Phúc, cũng là nhân viên canh sát với ba tôi từ Đồng Hới cùng nhau di cư vào đây. Chú Sỹ đọc đến đâu nhớ tới đó, gặp ai cũng thảo luận trôi chảy. Dần dần có nhiều bạn bè lui tới thăm viếng trò chuyện. Chú còn hát hay, nên thỉnh thoảng, nhân viên đài phát thanh Tuy Hòa đón đến đài thu thanh. Chú còn làm thơ khá hay. Đó là niềm an ủi vô cùng lớn lao của chú. Càng ngày chú có nhiều bạn bè. Sau này có một vị linh mục ở Măng Lăng, Tuy An, thường hay lái mô tô vào ghé thăm, uống cà phê chuyện trò rất thân tình. Vị linh mục này, hiện nay được phong làm một Tổng Giám Mục của một địa phận công giáo VN.

Căn nhà tranh vách đất này trở nên quá chật chội, tuy chị tôi lấy chồng, một người đi, một chú út mới, Hùng, ra đời năm 1955 thay chỗ, vẫn cần phải có một căn nhà khác rộng rãi hơn. Đúng lúc chính quyền tỉnh, cho công chức, một khu đất trên đường Nguyễn Huệ, sau lưng nhà thờ Công Giáo và gần nhà ga xe lửa, toàn cây xương rồng mọc chẳng chặt. Ba tôi được một lô. Căn nhà, thứ năm trong đời của ba tôi thành hình, cũng chỉ nhà tranh vách đất, trong khi những nhà bên cạnh,

đồng nghiệp khác (ngạch trật) của ba tôi, xây nhà mái ngói, tường gạch, kang trang, có xe mobilette, còn ba tôi vẫn ỉ ạch với chiếc xe đạp cũ kỹ từ Đồng Hới mang vào. Khu đất khá rộng, mẹ tôi lợi dụng làm chuồng heo trước mặt nhà, trồng ít rau rắng, cải, xà lách, cà chua, dưa leo, phụ thêm thực phẩm hằng ngày. Lâu lâu bán được con heo, góp thêm tiền chi tiêu cho gia đình.

Gia đình chị tôi không xa Saigon, thỉnh thoảng tôi đạp xe đến thăm chị. Sau hai cháu trai Hoàng và Long, chị có bầu, không may gia đình bất hòa, chị mang con về Tuy Hòa nương tựa cha mẹ. Đúng như ông bà ta thường nói “thoái về ngoại, tiến về nội”. Chị chuyển dạ sinh nở, đưa vào nhà thương, nhưng một ngày trôi qua, vẫn không sinh được. Bác sỹ cho biết phải mổ để cứu chị tôi. Ba má tôi chạy xuôi ngược, châu chực cả ngày đêm. Cuối cùng ông chạy về nhà, quỳ trước bức ảnh Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, cầu nguyện như đã bao lần gặp khó khăn, ông chỉ biết trông cậy vào Mẹ. Khi ông trở lại nhà thương, cũng là lúc tiếng trẻ khóc oa-e chào đời. Sinh đôi, một trai, một gái. Khi cháu Hoàng khôn lớn, học hết tiểu học, biết được ông bà nội là ai, vào Saigon thăm và có ý xin tá túc đi học, nhưng bị từ chối khéo, cháu trở về Tuy Hòa, theo mẹ leo lên các toa tàu xe lửa, bán từng ly trà đá sống qua ngày.

Đậu tú tài 2 xong, tôi về Tuy Hòa nghỉ hè và xin ba má cho tôi học tiếp. Lúc này, gia đình tôi tạm ổn, tuy vẫn thiếu thốn, khó khăn về chặt vật, nhưng cũng may, không phải chi tiêu nhiều về thuốc men cho chú Sỹ nữa, hơn nữa mẹ tôi rất tiện tặn, khéo xoay xở, mùa hè có nhiều cá biển bán rẻ, bà mua về làm mắm cá, nước mắm, mắm nêm, cá khô, chuẩn bị cho mùa đông, nên ba tôi vui vẻ đồng ý. Vài ngày sau, ông dẫn tôi đến một tiệm ăn khá sang, giới thiệu với một người bạn cùng sở làm, còn trẻ. Chú ấy nhờ tôi dạy kèm thêm toán, lý hóa đệ tứ và tôi được mời một bữa ăn tối thịnh soạn lần đầu tiên trong cuộc đời!



Tôi trở lại Saigon, nhập học trường Đại Học Văn Khoa. Lần này, ba tôi cho tiền ở trọ tại một căn nhà tôn cũ kỹ trong hẻm Huỳnh Thúc Kháng, từ ngoài bùng binh chợ Bến Thành vào khoảng 100 mét, bên trái. Trên gác xếp, gàn chục học sinh, mỗi người một chiếc chiếu một mét, trải lên sàn gỗ. Trong hẻm có quán bán cơm, đóng tiền tháng 300 đồng, ngày hai bữa và tiền nhà trọ 100 đồng. Hôm nào có giờ học vào buổi sáng, mua nắm xôi ăn lót lòng, nếu không đi học, nhịn đói, nằm học bài, chờ ăn trưa luôn “cho tiện”. Từ đây đi bộ đến trường khá gần. Bốn phận và nhiệm vụ “thiêng liêng đầy cao quý” của “con ngựa sắt” chấm dứt, sau ba năm “tung vó”, chủ tớ cùng nhau gấn bó, lặn lội nắng mưa dãi dầu. Sau bốn năm

“du học”, nhờ Trời phù hộ ban thưởng cho tám giấy văn bằng Tú Tài 1 (1959), Tú Tài 2 (1960) và chứng chỉ Dự Bị Văn Khoa (1961). Con xin cảm ơn bộ mẹ, chị Hoa và các em, đồng cam chịu khổ, gấn bó cùng nhau, cho thằng em được đến trường. Và, cuối cùng, gia nhập khóa 19/TVBQGVN vào ngày 23 tháng 11 năm 1962.



Cả nhà tạm ổn, chị tôi và bảy con nheo nhóc, sống chen chúc trong một căn nhà tranh chật hẹp cùng với cha mẹ, anh em, thiếu thốn mọi tiện nghi dù là tối thiểu. Sân trước nhà được lát gạch, trồng thêm cây cối bóng mát. Nhà xây dựng từ 1956, mái tranh lâu ngày hư hỏng, dột nát, ba tôi phải lợp chồng lên trên một lớp tôn, dùng những cây tre buộc chặt lại, chống chọi với mưa bão hàng năm, trong khi, chung quanh, hàng xóm, nhà xây một tầng, hai tầng, mọc lên khang trang, đẹp đẽ. Cho đến 1992, sau 36 năm, mái tranh, vách đất,

không còn kham nổi gió mưa bão táp và mỗi một đục khoét các cột nhà bằng gỗ tạp, nghiêng rãng nghe rào rào suốt đêm, nên đã được thay thế bằng một ngôi nhà trệt khá tạm ổn cho đến hôm nay.

MŨI TÊN XUYỀN TÁO

Đến năm 1970, ba tôi, 55 tuổi và về hưu. Như đã nói ở trên, ba tôi chỉ là một công chức công nhật, nên không có tiền hưu bổng gì cả. Tay trắng vẫn hoàn tay trắng. Nghèo khó, gian nan vẫn bầu chặt vào lưng ông. Ba tôi bàn bạc với mọi người trong nhà “mở quán cà phê”. Mọi người đồng ý và lấy tên Cafe Nhớ. Mua bàn ghế, hàn nồi rang cafe. Mua cafe Buôn Ma Thuật, sàng lọc, chọn hạt tốt. Rang mỗi lần 5 kí, tầm rượu rum, ủ vào thùng. Thơm phức. Ngày khai trương, đông quá sức tưởng tượng, bàn ghế không đủ ngồi, phải tận dụng tất cả ghế đầu trong nhà. Cafe phin nguyên chất, vàng sậm lóng lánh, đặc sệt, giọt từng giọt xuống đáy ly. Nhiều người, uống đậm quá, tim đập mạnh, chịu không nổi. Càng ngày càng đông khách vì: cafe ngon, nhạc hay, sân rộng, có nhiều bóng mát. Cả nhà thờ phào, nhẹ nhõm. Ba tôi làm việc liên tục: sáng dọn bàn ghế, pha chế, tối quét dọn. Tuy mệt nhọc, nhưng nụ cười đã hiện ra trên khuôn mặt già nua. Người nằm một chỗ, điều hành mọi công việc, không phải ba tôi mà là chú Sỹ, rất thông minh, khôn khéo và năng động. Ba tôi trao toàn quyền quyết định cho chú, từ việc mua bán hàng hóa, đồ đạc, người làm đến tiền bạc, một tay



Hình: Máy Teac thời 1970, hiện chú Hùng vẫn còn giữ

chú quán xuyên. Cả nhà yêu mến, và “tuân lệnh” răm rắp. Chú điều khiển máy móc dụng cụ nhạc, âm thanh, như máy Teac, chọn lựa băng và nhạc. Các ngón tay đã bị co quắp, không cầm nắm được, chú dùng một cây gậy gỗ, lấy các ngón tay kẹp lại, một đầu có bàn tay để gãi ngứa, đầu kia dùng để “vặn” các nút âm thanh, tắt mở máy và để gõ đầu chấu nào dám cãi lời chú. Đó là kết quả, cả chục năm được báo chí và sách vở “tôi luyện” hằng ngày, học được biết bao bài học về xử thế, điều hành thực tế của cuộc đời.

Cả nhà tạm ổn, cuộc sống dễ thở hơn, căn nhà vẫn là căn nhà tranh vách đất cũ kỹ, chật hẹp, thiếu thốn mọi tiện

ngiht cần thiết, nhưng may mắn nhất là các em tôi vẫn được học hành cho hết đệ nhị cấp, cô em gái út tốt nghiệp sư phạm Qui Nhơn.

Tháng 3 năm 1975, Miền Bắc tiến chiếm Tuy Hòa, cả nhà bồng bế nhau chạy vào Cam Ranh, lên tàu Mỹ vào Phú Quốc. Tôi tìm mọi cách liên lạc với ba tôi và yêu cầu thuê nhà tạm trú tại đó, nhưng ba tôi không đồng ý và di chuyển bằng thuyền về Rạch Giá, rồi theo đường bộ về Saigon.

Gần 15 người, kéo nhau vào nhà chú Mầu, tại hẻm 70 đường Yên Đỗ, gần nhà thờ Tân Định. Ngày 29-4-1975, tôi theo Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn III di chuyển về Bộ Chỉ Huy Thiết Giáp tại Gò Vấp. Cả nhà của tôi cũng tạm trú tại nhà chú thím. Từ đây đi bộ ra bến tàu Bạch Đằng khoảng 45 phút, nhưng tôi lại không đưa toàn bộ tất cả mọi người ra đây, tìm tàu bè trốn thoát. Người đầu tàu chịu trách nhiệm bây giờ là tôi, nhưng tôi đã không có một quyết định hay hành động sáng suốt và thích hợp nào cả. Mười năm trong ngục tù Cộng Sản, tôi vô cùng hối hận, lương tâm dày vò, không phải cho bản thân tôi mà cho cả đại gia đình tôi. Hai mươi năm, ba tôi hứng chịu mũi tên vận mạng, lấy đức tin chống đỡ, còn tôi, sao tôi mù quáng nhận mũi tên, tiếp tục xuyên tạc này, một cách yếu hèn ngu ngốc đến như vậy? Quyết định sai lầm của người đầu tàu đã đưa tất cả mọi người vào chỗ gian nguy lầm than.

Ghi chú: Ba tôi bị “bêu xấu” giống như anh này trong hình, chỉ khác ba tôi bị trói và bị lôi kéo như một con vật.



Tôi trình diện Ủy Ban Quân Quản tại trường Tabert, đi “học tập cải tạo”. Ba tôi đem cả nhà về lại Tuy Hòa. Vì căn nhà tranh cũ kỹ xiêu vẹo, nên không có một cán bộ nào thèm dòm ngó tới. Nhưng chúng bắt ông giam, rồi trói tay kéo đi dọc đường phố chính Trần Hưng Đạo, bêu xấu. Tôi đến, chúng chiếu đèn pha sáng trưng vào mắt, bắt nhận tội ác với nhân dân. Được xóm giềng chứng nhận ông là cảnh sát giao

thông, không đánh đập, không đàn áp ai, nên vài hôm sau, tha ông về nhà. Cả nhà bị xếp vào diện “ngụy quân ngụy quyền”. Em tôi, cùng với các bạn tốt nghiệp sư phạm Qui Nhơn, xin đi dạy học. Ai cũng được nhận làm hiệu trưởng, ngoại trừ em gái tôi, có cha cảnh sát ngụy quyền, có anh thiếu tá ngụy quân, hồ sơ bị xé nát, vất vào thùng rác.

Vận mệnh khắc nghiệt lại đến. Mũi tên vẫn tiếp tục không những đâm thẳng vào trái tim ba tôi mà còn đâm xuyên tạc đến con cái, cháu chắt.

Biết lấy gì ăn, biết lấy gì sống, đành một liều ba bảy cũng liều: bán cà phê, mở nhạc vàng chui. Khách quen còn sót lại, lần hồi ghé đến. Người bán, người canh chừng thay nhau báo động. Ngày qua ngày. Tạm ổn khoai sắn gạo cơm đủ sống. Một hôm, bất thành linh, một anh công an, đột nhập, chụp lấy cái máy radio cassette Panasonic ba băng, chạy nhanh ra khỏi quán, băng xuống đám đất trống, bên kia đường, trước mặt nhà, mẹ tôi cũng liều mạng chạy theo. Bà vừa chạy vừa la làng

thật to “bớ làng xóm ơi, thằng công an ăn cướp”. Cả xóm nhốn nháo chạy ra xem và cùng nhau la hét om sòm. Anh công an xấu hổ quá, nên vứt bỏ lại cái máy radio, chạy thoát thân.

Dần dần, quán cafe được phép bán, nhạc vàng nghe cũng “quen tai”. Lại một lần nữa, cả nhà tạm ổn. Tôi bị chuyển hết trại tù này đến trại tù khác. Cho đến khoảng đầu năm 1980, về Nam trại Z30C, Bình Tuy.

Trước năm 1975, tôi cũng nghiên cứu sơ qua về tử vi và phong thủy. Cố nhớ căn nhà gỗ ba gian hai chái của ba tôi xây dựng năm 1953. Con đường từ ngoài lộ chính đi vào xóm đã đâm thẳng ngay cửa chính của căn nhà. Theo phong thủy, đây là thế “NHẤT TIỀN XUYÊN TÂM”, có tác động thay đổi năng lượng, tài lộc, hạnh phúc và vận mạng của gia chủ.

Ba tôi làm công chức từ năm 1948 cho đến khi về hưu 1970, 22 năm ròng rã, không được lên một chức nào, không một đồng tiền hưu bổng, chú Sỹ tàn tật cả cuộc đời, gia đình chị Hoa, tan vỡ, con cái thất học, nghèo túng, mẹ tôi gãy xương chậu, chỉ bò lết cho đến chết, tôi, hai em gái, một em trai, gia đình nào cũng tan vỡ, hạnh phúc mong manh. Theo kinh nghiệm của gia đình tôi, không phải chỉ một mình gia chủ chịu ảnh hưởng, mà toàn bộ gia đình, cha mẹ, con cái, cháu chắt. Nhất cử nhất động của gia chủ đều trực tiếp ảnh hưởng nghiêm trọng lên vận mệnh của từng người. Điều tôi quan tâm nhất là đến khi nào thì chấm dứt và tôi vẫn âm thầm tìm hiểu.

Cho đến một hôm, nghe nói quân giáo của tôi là người Quảng Bình, cần một người may vá quần áo, thay thế thiếu úy Toàn, được tha ra trại. Anh Toàn với tôi cùng chung đội thợ may tại Yên Bái, giới thiệu tôi với quân giáo Chương. ***Đây là cơ hội tốt nhất cho tôi tìm hiểu về tình trạng căn nhà ba gian hai chái của Ba tôi, tại làng Tam Tòa, Đồng Hới, Quảng Bình.*** Tôi nhận lời may tiếp quần áo do anh Toàn may còn dở dang. Sau một thời gian ngắn, quân giáo Chương cho tôi biết. Sau khi cả làng Tam Tòa di cư vào Nam, dân chúng ở các làng chung quang kéo nhau chiếm cứ, trong đó có cha mẹ của quân giáo Chương. Căn nhà của ba tôi rộng lớn nhất trong vùng, tường xây, mái ngói, nên được chọn làm hợp tác xã ngư nghiệp. Khu nhà thờ Tam Tòa, thường làm địa điểm tập trung xuất phát, trước khi vượt Trường Sơn vào Nam. Cho nên, đến năm 1969-1970, Mỹ và Không Quân Việt Nam Cộng Hòa, ném bom thành phố Đồng Hới, miền bắc, ***toàn bộ làng Tam Tòa bị phá hủy***, nhà thờ Tam Tòa sập đổ chỉ còn lại tháp chuông. ***Nhà ba má tôi cùng chung số phận, bị san bằng.*** Hiểu theo phong thủy, căn nhà đã bị sụp đổ, ba tôi không còn làm chủ căn nhà này nữa, nên được thoát khỏi cái thế phong thủy nhất tiễn xuyên tâm.

Sự kiện này trùng khớp với hoàn cảnh của ba tôi: về hưu 1970, bắt đầu mở quán cafe Nhỏ, buôn bán thay thế cuộc đời công chức từ 1948, mở màn cho một sinh hoạt mới, một hoàn cảnh mới tương đối “dễ thở” hơn, kể từ năm 1954 đến 1970, ***sau 16 năm hứng chịu đại nạn kinh hoàng.***

Trong thời gian may quần áo cho quân giáo Chương. Một sự kiện xảy ra là tôi không ăn chung với một vài người khác nữa. Lý do, trước đây, khi còn ở trại Tân Kỳ, Nghệ Tĩnh, chung sống với các anh Ngọc, trung tá quân cụ, anh Tuấn, hải quân trung tá, anh Linh, thiếu tá bác sỹ, có đem một cái áo sơ mi trắng đổi lấy một con gà. Bốn anh em thường thức một bữa ăn tuyệt vời, không ai bị gì cả, chỉ riêng tôi bị tiêu chảy hành hạ, ngày này qua tháng nọ, cả năm không hết chỉ vì hệ thống

tiêu hóa, không chịu được mỡ sau nhiều năm “chay tịnh” khoai sắn. May nhờ ba tôi và cô Vân, em gái tôi thăm nuôi, mang được lọ thuốc pageroric, uống vào tạm cầm một thời gian. Trước đó, trung tá Lê Phú Đào châm cứu, nhưng làm sao hết được. Tôi xin chai cồn của Trung tá An, nằm cạnh tôi, pha theo tỉ lệ, một muỗng cafe nước, một muỗng cafe cồn, để uống tạm qua ngày. Cho nên nếu ăn đồ ăn có tí ti mỡ là ôm bụng táo tháo đười, ít nhất là 4,5 lần một ngày.

VẠCH NGỰC THÁCH THỨC CÁN BỘ CỘNG SẢN BẢN

Lại một sự kiện quan trọng liên quan đến thăm nuôi. Ngày thứ nhất thăm nuôi, gặp được ba tôi và em gái, tôi vô cùng mừng rỡ, biết được hoàn cảnh gia đình và sức khỏe của mọi người. Qua ngày thứ hai, trong lúc cả đội tôi, đội làm gạch, trên đường trở về trại, dọc theo sân đá banh. Ba tôi đứng chờ bên vệ đường, khi tôi đến gần, ông trao cho tôi một nải chuối. Tên quản giáo đi sau cùng, thấy vậy, vội chạy nhanh lên, rút súng ra, túm cổ áo, chĩa súng vào ngực ba tôi và giận dữ quát tháo “tên già kia, ai cho mày . . .”. Lập tức, tôi nhảy ra khỏi hàng, đẩy ba tôi lui ra sau, đứng ngay trước mặt tên cán bộ, không còn biết gì nữa, như điên như khùng, xé toạc áo ra, vạch ngực thách đố: “bắn tôi đi, ba tôi có tội gì”. Lập tức cả đội, đa số anh em Fulro, vây quanh, la to “đả đảo Cộng sản! Đả đảo Hồ Chí Minh”. Cũng cần nói rõ về anh em Fulro. Họ rất đoàn kết, tôn trọng kỷ luật với nhau, dám làm, dám nói, bất cứ gì tổn hại đến danh dự của họ. Bộ chỉ huy trại biết rõ như thế, nên thường “nhắm mắt làm ngơ”. Trong nhóm Fulro này có một vị tướng, rất được kính nể và ông là người quyết định tối hậu khi gặp khó khăn cần phải giải quyết. Mọi người la hét. Tất cả hỗn loạn. Rất nhiều cán bộ đang xem đá banh cũng hùng hổ “bắn chết mẹ nó đi”. Cán bộ và vệ binh trại ủa ra, đẩy chúng tôi vô cổng trại. Cô em tôi đứng ngoài nhà thăm nuôi khóc lóc thê thảm. Tôi đi ngang, cố nói thật to cho em tôi nghe “đưa ông đi ra khỏi đây ngay lập tức”. Cô Vân nghe hiểu và gật đầu. Tối đó, công an trại ra khu thăm nuôi để bắt ông tôi, nhưng may mắn hai cha con đã cao bay xa chạy rồi. Sáng sớm hôm sau, tôi nhờ một anh Fulro hằng ngày được đi ra ngoài trại, tìm ba tôi và cho ông biết, tôi không sao và bảo ông tìm mọi cách đến ga xe lửa để về nhà.

Tối hôm đó, tôi chuẩn bị ba lô, quần áo sẵn sàng vào nhà biệt giam. Anh Nghĩa, đại úy cảnh sát, đội trưởng, căn dặn tôi, nhớ bình tĩnh khai báo. Sáng hôm sau, cùng đại đội trên đường ra cổng, cán bộ An, giáo dục trại, ra lệnh, về phòng chờ lệnh. Khoảng một giờ sau, anh Luân (đại úy), phụ tá cho trật tự trại, anh Nguyễn Thìn, hải quân thiếu tá, tức nhạc sĩ Trường Sa. Tên cán bộ an ninh, Nghi, mắt lé, lùn xỉn, răng hô, má hóp, trừng trừng nhìn tôi, đi qua đi lại, lấy bộ oai nghiêm, quát to: “ngồi xuống, viết bản kiểm điểm”. Tôi ngồi xuống, bắt đầu cầm cúi viết, bất chấp hấn nói huyền thuyên, nào là Đảng khoan hồng tha tội chết, nào là moi gan uống mật, nào là vân vân và vân vân, y như một con vẹt học nói. Tôi viết chưa hết một trang giấy, đọc lui đọc tới rồi mới giao nộp bản kiểm điểm. Tôi đến, anh Nghĩa cho biết, anh rình nghe mấy tên cán bộ nói chuyện với nhau, bàn tán, lỗi do tên cán bộ đội gạch của tôi gây ra. Tôi yên tâm phần nào. Hôm sau, ra đến cổng cũng được lệnh về phòng chờ lệnh. Cũng lại tên Nghi. Hấn bắt tôi viết kiểm điểm khác. Bản kiểm điểm hôm qua, tôi đã thuộc nằm lòng. Tôi viết lại y chang, nhưng giả bộ suy nghĩ, từ từ nắn nót từng chữ một. Hấn cầm tờ kiểm điểm, rồi bảo tôi về phòng. Tôi đi được một quãng, quay lại thấy hấn đang so với bản hôm qua. Sáng ngày thứ ba, cũng y như vậy, nhưng lần này là cán bộ An, giáo

dục, bắt tôi viết kiểm điểm. Tạ ơn Trời đã cho tôi nhớ hết những gì tôi đã viết. Cứ như thế mà viết. Hôm sau, đi làm không bị lệnh về phòng nữa. Mọi sự đã ổn. Chuyện này cả trại đều biết.

Trong suốt thời gian tại Mỹ, tôi không kể ai nghe, không “khoe” với ai, kể cả những bạn cùng khóa. Một khóa đàn em, anh Thắng, vừa đến định cư tại Oregon, gặp tôi chào và nói, đàn em biết, trong tù Niên Trưởng đã từng xé áo, vạch ngực thách đố cán bộ CS bắn. Tôi chỉ mỉm cười. Người bạn cùng khóa 19, Nguyễn Ngọc Đính, trong khi họp mặt anh em, kể rằng, trên chuyến máy bay về Việt Nam, tình cờ ngồi bên cạnh ba tôi và ba tôi đã kể lại chuyện tôi vạch ngực thách đố công an CS bắn, khi ông thăm nuôi tôi tại trại Tân Kỳ, Nghệ Tĩnh. Anh nói, chuyện đó anh biết, vì anh ở cùng trại, khác K, nhưng không ngờ lại là Nguyễn Nho K19.

Trong thời gian tôi may (bằng tay) quần áo cho quân giáo Chương, một trong mấy người ăn chung, trong khi tập hợp đi làm, đã mắng tôi “thằng hèn”. Tôi im lặng, nhịn nhục. Tôi nghĩ thầm, dù tôi có giải bày cũng chẳng được gì, chẳng qua cũng chỉ vì “miếng ăn”, hơn nữa, anh ta với tôi là “khóa đàn em, cùng thầy, cùng mẹ”. Đói khổ đã làm lộ ra cá tính con người. Không những vậy, anh ta còn tìm đủ cách thông báo cho gia đình O Dượng tôi tại Saigon là tôi “làm ăng ten”. Đây mới là mũi tên ác độc, một sự vụ không đầy thâm hiểm, thực sự làm rướm máu trái tim tôi. Gặp nhau tại Mỹ, tôi vẫn vui vẻ, không hé lộ một lời nói hay cử chỉ thù ghét. Im lặng và giữ kín trong lòng. Tôi không làm gì sai, cây ngay không sợ gió, nhất là noi gương ba tôi, cứ ngẩng đầu lên, lấy bản chất thực của mình mà ngăn chặn mọi ghen ghét đố kỵ, lấy sự trong sáng và thiện chí mà phát huy tình cảm.

LỘT MẶT ẲNG TEN

Một sự kiện có liên quan đến vụ vụ không tôi làm “ăng ten” trong thời gian khoảng 2 tháng “may vá” cho quân giáo Chương. Theo thông lệ, mỗi tối thứ năm hàng tuần, đội “kiểm điểm” do anh đội trưởng Nghiệp, đại úy, chủ trì. Trên đường về, gần đến trại, tôi đi sau cùng, quân giáo Chương đưa cho tôi cuốn sổ ghi biên bản họp và bảo tôi đưa cho anh đội trưởng, vì anh đi lên gần hàng đầu, chuẩn bị báo cáo nhập trại. Trên đường về nhà ở, tôi tò mò mở ra. Rất ngạc nhiên, thấy có một tờ giấy gấp đôi nằm trong tập, báo cáo anh X (quên tên), từng là tiểu đoàn trưởng địa phương quân và thiếu tá quận trưởng, tỉnh Bình Dương, bị thương hư một mắt. Xem lướt qua thật nhanh. Vào phòng để dưới gối, ngay chỗ ngủ của anh Nghiệp. Trong khu nhà xây này được phép đem củi vào để nấu nướng. Anh Nghiệp đang lui hui nhóm lửa, tôi nói với anh, cuốn sổ ghi chép biên bản, quân giáo đưa cho tôi nhờ trao lại cho anh, tôi để dưới gối của anh. Mặt khác, tôi “nói nhỏ” với anh thiếu tá X và căn dặn, xem xong để lại chỗ cũ và im lặng không cho ai biết. Anh thiếu tá X này ăn uống chung với anh Huỳnh Chấn Long, một binh nhì tù binh thời Hạ Lào. Anh Long rất khảng khái, tinh thần Quốc Gia cao độ, chống Cộng tận xương tủy. Hôm sau, tôi thấy ánh mắt anh Long nhìn anh N.V.H, đại úy, tác giả tờ báo cáo để trong cuốn sổ biên bản đội, rất giận dữ. Anh Nghiệp bình thản, vì tin rằng không ai biết gì về tờ báo cáo “ăng ten” này cả.

Vài ngày sau, anh N.V.H khám bệnh ở nhà không đi lao động. Đến giờ về, anh Long, cũng như các anh em khác, khi đến gần hàng rào kẽm gai, liệng bó củi vào trong, vì tại cửa ra vào, có vệ binh canh gác kiểm soát. Anh N.V.H. nhặt một số và đem vào gần khu nấu nướng. Anh Long vào,

tim không thấy bó củi của mình, to tiếng gây gổ với anh H. Tôi nhìn thấy và hiểu, đây chỉ là cái có. Cả hai vào trong nhà. Anh Long xô anh H. vào sát tường, đấm, đá liên tục. Vài phút sau, anh Nhơn, thiếu tá và anh Hùng, thiếu tá cảnh sát, can ngăn hai anh ra. Cán bộ và vệ binh, mang súng ống vào, đưa anh H. đi qua đội khác. Một số anh em phải làm kiểm điểm, trong đó có tôi. Kinh nghiệm nhiều lần làm kiểm điểm, viết ngắn gọn, rõ ràng dứt khoát và quan trọng nhất là phải nhớ những gì mình đã viết, kể cả chấm, phẩy. Anh thiếu tá quận trưởng và một vài người khác nữa bị chuyển trại. Sau khi “ra tù”, tôi ghé thăm bạn Đỗ Duy Chương, K20, tình cờ gặp lại anh Nghiệp, nhà sát vách với anh Chương. Chúng tôi đã có nhắc đến chuyện cũ, việc khéo che giấu hành động “lật mặt” tên ăng tên H. bằng cách, vừa vào phòng, tôi báo ngay cho anh Nghiệp biết, một cách có “âm mưu”, cuốn sổ được “giấu” dưới gối, nghĩa là không ai biết gì cả, và quan trọng nhất là hai anh thiếu tá X và Long, không hé môi khai báo rằng tôi đã “rò rỉ”, đã làm cho tôi thoát nạn.

Anh bạn mắng thẳng vào mặt tôi “thằng hèn” trong khi đại đội tập hợp đi lao động, anh biết chuyện rõ chuyện này, vì anh với tôi ở cùng một đại đội. Nhưng tiếc rằng bản tính trời sinh, khó mà thay đổi, nhất là khi bao tử “chỉ huy” não bộ con người.

VẬN TAN, MỆNH KIỆT



Mũi tên bắn trúng tim gan người gia trưởng, **nhất tiễn xuyên tâm**, tan nát cả cuộc đời, tinh thần cũng như thể xác, hạnh phúc, tài lộc, xuống tận cùng vực sâu khốn khổ của xã hội. Nhưng không ngừng lại đó, vẫn tiếp tục xuyên phá đến người chị, người em, đến tất cả mọi người trong gia đình, thậm chí cả cháu chắt. Chú Sỹ sống một cuộc đời tàn tật, nằm một chỗ, không đi đứng được trong suốt 41 năm và ra đi năm 1995, hưởng thọ 52 tuổi. Còn lại người cha già, tuy sức khỏe yếu dần, nhưng ý chí vẫn vững mạnh, quyết đấu tranh với nghịch cảnh, luôn luôn hiên ngang ngẩng đầu lên, vững lòng, lấy đức tin ngăn chặn mũi tên vận mạng, lấy sự hy sinh che

lấp đau thương, năm này qua năm khác, hàng chục năm trôi qua, chiến đấu kiên cường, tận tụy, cho đến ngày vận tan, mệnh kiệt, tròn 94 tuổi đời, bình an thanh thản ra đi ngày 28-8-2008 tại Tuy Hòa, Phú Yên.

Xin cúi đầu trước linh cửu người cha muôn vàn kính yêu, nguyện cầu: “*Chúng con cậy vì Danh Chúa nhân từ, cho Linh Hồn Phê Rô và Inê được lên chốn nghỉ ngơi, hằng xem thấy mặt Đức Chúa Trời sáng láng vui vẻ vô cùng, Amen.*”

Seattle, Ngày 28 tháng 2 năm 2026

Từ Cao Nguyên

